

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH H

-----***-----

Bản án số:01/2018/HSST

Ngày: 28/12/2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Nam Thắng**.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Phan Xuân Hùng**.
2/ Bà **Vũ Thị Diệu Thúy**.
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Tân Huyền** - Thư ký Toà án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Bà **Đặng Thị Phụng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 63/2018/HSST ngày 26 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/HSST - QĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018; theo Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐ-HSST ngày 30/11/2018; theo thông báo “Về việc thay đổi lịch xét xử” số 22/TB-TA ngày 13 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hà Văn K** (Tên gọi khác: Cún), sinh năm 1995

Nơi cư trú: T hôn C 2, xã Đ, huyện Y, tỉnh B

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không

Con ông Hà Văn C (sinh năm 1971) và bà Lương Thị T (sinh năm 1971).

Vợ, con: Chưa có.

+ **Tiền sự** : Chưa có

+ **Tiền án**:

- Ngày 22/7/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản

- Ngày 05/6/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (Tòa án áp dụng tình tiết tăng nặng là Tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999)

+**Nhân thân**:

- Ngày 16/11/2009 bị chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh B quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 01/9/2011.

- Ngày 19/4/2012 bị chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh B quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 01/01/2014.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh B

***Người bị hại:** Anh Đặng Văn Q- sinh năm 1989 (Vắng mặt)

HKTT: thôn S, xã M, huyện M, tỉnh H

***Người liên quan:**

1/ **Hoàng Minh T**, sinh năm 1993 (Đã chết trong trại giam).

KHTT: Khu Ba, xã Đồng Xuân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

2/ Anh **Vũ Văn T**, sinh năm 1996(Vắng mặt)

HKTT: Thôn Đ, xã B, huyện M, tỉnh H.

3/ Anh **Dương Văn Đ**, sinh năm 1990(Vắng mặt)

HKTT: Khu M, phường K, thành phố , tỉnh V.

4/ Anh **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1989(Vắng mặt)

HKTT: Khu 9, xã H, huyện T, tỉnh V.

(Tại phiên tòa, người bị hại, người liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Minh T và anh Vũ Văn T là bạn bè quen biết nhau từ trước. Chiều ngày 20/6/2018, T rủ Hà Văn K về nhà anh T ở tỉnh H chơi, K đồng ý. T và K đi xe buýt từ Hà Nội về đến ở ngã tư Phố Nối, thị trấn B, huyện M, T gọi điện thoại cho anh T đến đón. Sau đó, anh T đưa T và K về nhà anh Đặng Văn Q ở thôn S, xã M, huyện M, tỉnh H (là bạn của anh T) chơi. Khoảng 23h00 cùng ngày anh T nói với anh Q “*Anh cho T và K ngủ nhờ, khi nào xong việc thì em về đón*”, anh Q đồng ý. Một lúc sau anh Q đi ngủ còn T và K nằm chơi điện thoại ở trên giường, T nhắn tin cho anh T về đón T và K đi chơi nhưng anh T bận không về được, T nói với K: “*T không về đón*”, K nói: “*Thôi đi về*”. Lúc này, T nảy sinh ý định lấy trộm xe của anh Q, T nói với K: “*Đi tìm chìa khóa xe đi*”. K hiểu T nói đi tìm chìa khóa xe để trộm cắp xe mô tô của anh Q, K không nói gì, dậy đi tìm chìa khóa xe mô tô cùng với T. T mở ngăn kéo tủ ra thấy chiếc chìa khóa xe mô tô rồi cầm lên nói với K: “*Chìa khóa xe đây*”. K nói: “*Anh ra mở cửa dắt xe ra ngoài đợi em*”. Lúc này, T hiểu K còn lấy trộm tài sản khác của anh

Q. T mở cửa đi ra gian nhà ngoài nơi anh Q dựng xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Jupiter V, sơn màu xanh biển số đăng ký 33M7-7435, T cắm chìa khóa vào ổ khóa, dắt xe mô tô nói trên ra ngoài đường đợi K. Còn K ở trong phòng lấy trộm của anh Q 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 6300, vỏ máy màu vàng và 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng vỏ máy màu đen rồi đi ra chỗ T đứng đợi từ trước và nói “*Em lấy hai cái điện thoại*”, T hiểu K lấy trộm hai chiếc điện thoại của anh Q. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở K đi ra đường quốc Lộ 5A chiều Hải Dương - Hà Nội đến khu vực phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, T và K vào quán Internet của gia đình bà Nguyễn Thị Vân sinh năm 1967 ở số nhà 20/ngách 13/90/52 đường Lĩnh Nam, phường Vĩnh Hưng để chơi điện tử. Đến khoảng 13h00 ngày 21/6/2018, T và K đứng dậy thanh toán tiền hết 90.000đ. Do không có tiền, K lấy chiếc điện thoại cảm ứng vỏ máy màu đen lấy trộm của anh Q đưa cho bà V, đồng thời K đưa cho T chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 6300 lấy trộm của anh Q. Lúc này, T rủ K lên tỉnh Vĩnh Phúc bán xe mô tô nói trên, K đồng ý. Trên đường đi, T gọi điện cho anh Dương Văn Đ ở khu Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên tỉnh Vĩnh Phúc nói: “*Anh ơi, thằng em, em muốn bán cái xe, anh xem có người nào mua không?*”, anh Đ nói: “*Tìm người đã*”. Tiếp đó, anh Đ gọi điện cho anh Nguyễn Văn Tr ở khu 9, xã Hướng Đạo, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc hỏi anh Tr có mua xe không, anh Tr đồng ý. Anh Đ gọi điện cho T bảo T mang xe lên khu Công nghiệp Khai Quang ở tỉnh Vĩnh Phúc. Đến nơi, anh Đ hỏi T và K: “*Xe của ai, có giấy tờ gì không?*”, K nói: “*Xe của em, em mang từ nhà đi không có giấy tờ gì*”, anh Đ hỏi K: “*Bán giá bao nhiêu?*”, K nói: “*3.000.000đ*”. Anh Đ gọi điện thoại cho anh Tr đến. Khi anh Tr đến anh Đ nói: “*Xe Jupiter của thằng em nó, nó mang từ nhà đi, xe không có giấy tờ, nó đòi 3.000.000đ*”. Sau khi xem xe mô tô, anh Tr đồng ý mua xe mô tô nói trên của K với giá 2.650.000đ. K cầm tiền và đưa cho Đ 100.000đ để trả tiền nước uống. Số tiền còn lại T và K chơi điện tử và ăn tiêu hết. Ngày 22/6/2018, K quay lại quán Internet của bà Vân chuộc lại chiếc điện thoại cảm ứng vỏ máy màu đen, sau đó cùng T đến quán Internet ở Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (cả hai không nhớ tên quán) chơi điện tử. Do không còn tiền T đã bán chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia loại 6300 cho anh Tú (không rõ tên tuổi địa chỉ là bạn của T) được 150.000đ để trả tiền chơi điện tử. K đưa tiếp chiếc điện thoại cảm ứng vỏ máy màu đen cho T cầm. Sau đó hành vi của T và K bị phát hiện.

Ngày 05/8/2018, anh Q làm đơn trình báo đến Công an huyện M.

Ngày 06/8/2018, anh Nguyễn Văn Tr tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện M chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Jupiter V, sơn màu xanh, biển số đăng ký 33M7-7435.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 35/KL- HĐ ngày 06/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện M, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Jupiter V, sơn màu xanh biển số đăng ký 33M7-7435 có giá trị còn lại là 3.500.000đ; 01 điện thoại di động

nhãn hiệu Nokia loại 6300 có giá còn lại là 500.000đ và 01 chiếc điện thoại di động, vỏ máy màu đen do các thông tin liên quan đến tài sản không rõ nên hội đồng không định giá.

Quá trình điều tra, T và K thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, ngoài ra T Khai: Khi K đưa điện thoại cảm ứng vỏ máy màu đen lấy trộm của anh Q cho T. Sau đó T và K mỗi người đều đi về nhà của mình. Trên đường về, T đi taxi của người đàn ông (không rõ tên tuổi địa chỉ và hãng xe taxi) hết 300.000đ, do không có tiền trả nên T đã trả chiếc điện thoại trên cho người đàn ông lái taxi.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Jupiter V, sơn màu xanh biển số đăng ký 33M7-7435. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là tài sản của anh Đặng Văn Q, anh Q mua lại của bà Doãn Thị Xuân ở thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội), do lâu ngày anh Q làm mất giấy tờ mua bán xe chỉ còn lại đăng ký xe nên ngày 03/10/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho anh Q, anh Q nhận lại tài sản không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với chiếc điện thoại cảm ứng vỏ máy màu đen và chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia loại 6300, T và K khai đã bán cho Tú và người lái taxi không rõ tên tuổi và địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được hai chiếc điện thoại trên. Nay anh Q không yêu cầu T và K phải bồi thường giá trị hai chiếc điện thoại nói trên.

Đối với anh Dương Văn Đ là người đã bảo anh Nguyễn Văn Tr mua xe của T và K và anh Tr là người trực tiếp mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Jupiter V, sơn màu xanh, biển số đăng ký 33M7-7435 của T và K. Anh Tr và anh Đ đều không biết chiếc xe mô tô trên do T và K phạm tội mà có nên không đủ căn cứ xử lý. Đối với số tiền 2.650.000đ của anh Tr bỏ ra mua chiếc xe mô tô nói trên. Nay, anh Tr không yêu cầu T và K phải trả lại anh số tiền trên.

Đối với Vũ Văn T là người đã đưa T và K về nhà anh Q để ngủ nhờ, anh T không biết T và K trộm cắp tài sản của anh Q nên không đủ căn cứ để xử lý.

Ngày 29/9/2018, Hoàng Minh T do bị bệnh HIV/AIDS giai đoạn cuối, T đã bị chết tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên nên ngày 02/10/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Hoàng Minh T về tội Trộm cắp tài sản.

Ngoài hành vi K và T trộm cắp tài sản tại huyện Mỹ Hào nói trên, ngày 31/7/2018, Hà Văn K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ở thôn 4, xã An Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang nên ngày 10/8/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã ra Quyết định khởi tố vụ án số 79, Quyết định khởi tố bị can số 127 và Lệnh tạm giam số 43 đối với Hà Văn K. Hiện nay, K đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lạng Giang.

Bản cáo trạng số 62/CT-VKSMH ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Hào đã truy tố bị cáo Hà Văn K về tội “**Trộm cắp tài sản**” theo quy định tại điểm g khoản 2, điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội.
- Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố.
- Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 58; điều 38 Bộ luật hình sự.
- Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Hà Văn K từ 3 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Đồng thời Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết các vấn đề về hình phạt bổ sung và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Hào, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Hào, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nên hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Hoàng Minh T đã bị chết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Hào đã ra Quyết định chỉ điều tra bị can Hoàng Minh T về tội Trộm cắp tài sản là đúng với quy định tại điều 230 - BLTTHS.

[2]/ Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp khách quan với lời khai của người bị hại, của người liên quan, của người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung của bản cáo trạng mà vị đại diện VKS đã nêu và đã có đủ cơ sở kết luận: *“Đêm ngày 20 rạng sáng ngày 21/6/2018, tại nhà anh Đặng Văn Q ở thôn S, xã M, huyện M, tỉnh H, Hoàng Minh T và Hà Văn K có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Jupiter V, sơn màu xanh biển số đăng ký 33M7-7435; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 6300. Tổng giá trị tài sản là 4.000.000đ cùng với 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng vỏ máy màu đen của anh Quý. Sau đó bị phát hiện.”*

Ngày 22/7/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày 05/6/2017, bị cáo tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (Tòa án áp dụng tình tiết tăng nặng là Tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999). Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Hào đã căn cứ tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm b, khoản 2 điều 53 Bộ luật hình sự để truy tố bị cáo Hà Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn chính xác và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến khách thể là quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Chỉ vì thói quen chơi bời hưởng thụ, khi không có tiền tiêu xài, bị cáo cùng Hoàng Minh T đã lợi dụng sơ hở của anh Đặng Văn Q rồi lén lút trộm cắp tài sản của anh Q mang đi tiêu thụ. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự địa phương, gây dư luận xấu, là nỗi lo lắng bất bình trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có nhân thân rất xấu do đã từng bị Chủ tịch UBND huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng vào ngày 16/11/2009; tiếp đó ngày 19/4/2012, bị cáo tiếp tục bị Chủ tịch UBND huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng; đến ngày 22/7/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiếp đó ngày 05/6/2017, bị cáo tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Nay bị cáo tiếp tục phạm tội trong trường hợp đồng phạm và tái phạm nguy hiểm. Nghiêm trọng hơn, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Đặng Văn Q tại huyện M, tỉnh H, đến ngày 31/7/2018, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Ngày 24/12/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 04 năm tù về hành vi nói trên. Điều này chứng tỏ bị cáo là người không chịu rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, coi thường pháp luật và liêu lĩnh trong việc thực hiện tội phạm. Vì vậy nay cần phải nghiêm trị đối với bị cáo; đồng thời Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Có vậy mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo và cũng là bài học giáo dục phòng ngừa chung cho mọi người.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Để thể hiện sự khoan hồng của Pháp luật, nay Hội đồng xét xử sẽ không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về biện pháp tư pháp: Bị hại, người liên quan không yêu cầu. Tuy nhiên số tiền T và K bán chiếc điện thoại được 150.000đ nên sẽ truy thu số tiền này đối với T và K và buộc T và K mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Đối với số tiền 2.650.000đ anh Tr không yêu cầu T và K phải trả lại nên sẽ truy thu số tiền 2.650.000đ đối với T và K đồng thời buộc T và K mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Do T đã chết nên không xem xét giải quyết. Truy thu của K số tiền 1.400.000đ sung quỹ nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136-BLTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên, HĐXX sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Mỹ hào
QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Về điều luật áp dụng: Áp dụng điểm g khoản 2 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17; khoản 1 điều 38; điều 58 - Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Hà Văn K **04 (bốn) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành bản án này.

[4] Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Truy thu của bị cáo Hà Văn K số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) sung quỹ nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo Hà Văn K phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN NAM THẮNG